

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Số: 35 /NQ- HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- hạnh phúc

Nghệ An, ngày 13 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Giao biên chế công chức và thống nhất tổng số lao động  
hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan,  
tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Nghệ An năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN,  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Nghệ An năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 8070/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 292/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2021 là 3.307 người (có Phụ lục kèm theo), trong đó:

1. Biên chế trong các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh: 1.723 người;
2. Biên chế trong các cơ quan cấp huyện: 1.584 người;



**Điều 2.** Thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2021 là 260 người.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Sơn**



BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NGHỆ AN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35.../NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
	<b>Tổng giao</b>	<b>3307</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>1723</b>	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	32	Từ tháng 1 đến tháng 8/2021 giao 33 biên chế. Bao gồm cả biên chế đại biểu hoạt động chuyên trách, khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh về thành lập VP Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh thì thực hiện theo Nghị quyết.
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	79	
	<i>Văn phòng</i>	75	
	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công</i>	4	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	60	
4	Sở Tài chính	80	Từ tháng 1 đến tháng 8/2021 giao 81 biên chế.
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	71	
6	Sở Y tế	83	
	<i>Cơ quan sở</i>	46	
	<i>Chi cục Dân số- Kế hoạch hoá gia đình</i>	19	
	<i>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</i>	18	
7	Sở Văn hoá và Thể thao	50	
8	Sở Du lịch	23	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	532	
	<i>Cơ quan Sở</i>	63	
	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	310	
	<i>Văn phòng Chi cục chăn nuôi và Thú y</i>	18	
	<i>Văn phòng Chi cục Trồng trọt và BVTV</i>	28	
	<i>Văn phòng Chi cục Thủy Lợi</i>	24	
	<i>Chi cục Thủy sản</i>	31	
	<i>VP điều phối CTMTQG XDNT mới</i>	5	
	<i>Văn phòng Chi cục phát triển NT</i>	19	
	<i>Chi cục QLCL nông lâm sản và TS</i>	12	
	<i>Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt</i>	11	
	<i>Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống</i>	11	
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	68	
	<i>Cơ quan Sở</i>	59	
	<i>Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội</i>	9	
11	Sở Công thương	59	
12	Sở Giao thông vận tải	74	
	<i>Cơ quan Sở</i>	42	
	<i>Thanh tra Giao thông vận tải</i>	32	
13	Sở Xây dựng	61	
	<i>Cơ quan Sở</i>	50	
	<i>Thanh tra Xây dựng</i>	11	
14	Sở Nội vụ	76	

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
	<i>Cơ quan Sở</i>	39	
	<i>Ban Tôn giáo</i>	18	
	<i>Ban Thi đua Khen thưởng</i>	13	
	<i>Chi cục Văn thư Lưu trữ</i>	6	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	76	
	<i>Cơ quan Sở</i>	61	Từ tháng 1 đến tháng 9/2021 giao 63 biên chế.
	<i>Chi cục bảo vệ môi trường</i>	15	Từ tháng 1 đến tháng 11/2021 giao 16 biên chế.
16	Sở Khoa học và Công nghệ	40	
	<i>Cơ quan Sở</i>	24	
	<i>Chi cục tiêu chuẩn, đo lường - chất lượng</i>	16	
17	Sở Tư pháp	40	
18	Sở Thông tin và Truyền thông	29	
19	Thanh tra tỉnh	49	
20	Sở Ngoại vụ	18	
21	Ban Dân tộc	30	
22	Ban quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	36	
23	Các đơn vị sử dụng biên chế công chức	57	
	<i>Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Pù Mát</i>	51	
	<i>Văn phòng Ban an toàn giao thông</i>	6	
<b>II</b>	<b>Các cơ quan cấp huyện</b>	<b>1584</b>	
1	CQ HĐND - UBND thành phố Vinh	141	
2	CQ HĐND - UBND thị xã Cửa Lò	64	
3	CQ HĐND - UBND thị xã Hoàng Mai	60	
4	CQ HĐND - UBND thị xã Thái Hoà	66	
5	CQ HĐND- UBND huyện Quỳnh Lưu	76	
6	CQ HĐND - UBND huyện Nghĩa Đàn	73	
7	CQ HĐND - UBND huyện Diễn Châu	78	Từ tháng 1 đến tháng 7/2021 giao 79 biên chế; giảm dần đến 76 biên chế
8	CQ HĐND- UBND huyện Yên Thành	76	
9	CQ HĐND - UBND huyện Nghi Lộc	75	
10	CQ HĐND - UBND huyện Nam Đàn	75	
11	CQ HĐND - UBND huyện Hưng Nguyên	72	
12	CQ HĐND-UBND huyện Thanh Chương	76	
13	CQ HĐND - UBND huyện Đô Lương	74	
14	CQ HĐND - UBND huyện Anh Sơn	70	
15	CQ HĐND - UBND huyện Con Cuông	72	
16	CQ HĐND - UBND huyện Tương Dương	72	
17	CQ HĐND - UBND huyện Kỳ Sơn	77	
18	CQ HĐND - UBND huyện Tân Kỳ	73	
19	CQ HĐND - UBND huyện Quỳnh Hợp	74	
20	CQ HĐND - UBND huyện Quỳnh Châu	70	
21	CQ HĐND- UBND huyện Quế Phong	70	

*Quê*

*Ng*

HĐND TỈNH NGHỆ AN